**TỔNG HỢP - BIỂU SỐ 2**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA UỶ BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH BẮC KẠN**

*(Kèm theo Báo cáo số :/BC-SGDĐT ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

I. TỔNG HỢP Ý KIẾN

**1. Về sự cần thiết ban hành nghị quyết**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 5/5. Ý kiến góp ý: 0.

**2. Về mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 5/5. Ý kiến góp ý: 0.

**3. Về bố cục nghị quyết**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 5/5. Ý kiến góp ý: 0.

**4. Phạm vi điều chỉnh**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 5/5. Ý kiến góp ý: 0.

**5. Đối tượng áp dụng**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 4/5. Ý kiến góp ý: 1.

**6. Nội dung, mức chi**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 3/5. Ý kiến góp ý: 2.

**7. Nguồn kinh phí thực hiện**

Tổng số ý kiến góp ý: 05. Trong đó: Nhất trí: 4/5. Ý kiến góp ý: 1.

**8. Nội dung khác:** 3 ý kiến góp ý.

II. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị/thành viên** | **Ý kiến đề nghị của các thành viên** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở GD&ĐT** |
| 1 | Ông Triệu Đức Lân, Thành viên Hội đồng tư vấn UBMTTQ tỉnh | 1) Tên nghị quyết: Thay thế cụm từ “đối với các nhiêm vụ thuộc Đề án..” bằng cụm từ “..thực hiện Đề án”.“*Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”.* | Tiếp thu, chỉnh sửa theo đề nghị |
| 2) Dự thảo tờ trình:  - Căn cứ pháp lý: Quyết định 1373/QĐ-TTg cần ghi rõ ngày tháng …; bỏ việc dẫn Tiểu đề án 1 (không cần thiết), bỏ các văn bản 1205, 3033, NQ 15 ..vì đây không phải là căn cứ pháp lý.  - Căn cứ thực tiễn là chưa thuyết phục. Cần nêu bật được nhu cầu, nội dung, nhiệm vụ thực hiện Đề án xây dựng XHHT và việc mở lớp xóa mù chữ hiện nay; nghĩa là, có nhiệm vụ phải làm nhưng chưa có quy định về mức chi nên chưa thể thực hiện được – đặc biệt cần thuyết phục số người mù chữ trong độ tuổi 15-60 trên địa bàn tỉnh còn 4,48 là bao nhiêu người, tập trung ở đâu, cần phải mở bao nhiêu lớp XMC, nếu không mở lớp, dự kiến tái mù chữ đến năm 2025, 2025 là bao nhiêu. | Tiếp thu, chỉnh sửacơ bản theo đề nghị.  - Tuy nhiên, đề nghịđể lại Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 12/8/2021 với lý do sau: Đây là Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu phấn đấu đó là: *"Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; phấn đấu đến năm 2025, tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Nâng cao chất lượng hoạt động công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập".*  - Căn cứ thực tiễn đã bổ sung số liệu số người mù chữ; chỉnh sửa diễn đạt để tăng tính thuyết phục và có phu lục dự toán kèm theo bản thuyết minh về số liệu. |
| 3) Về bản thuyết minh: Dự thảo bản thuyết minh cần cụ thể từng mức chi trong nội dung chi: chi tiết các mức chi theo Nghị quyết HĐND tỉnh là bao nhiêu đồng, theo Bộ Tài chính là bao nhiêu, đề xuất mức chi của tỉnh giai đoạn 2021-2030 là bao nhiêu… | Tiếp thu, chỉnh sửa theo đề nghị (có các phụ lục dự toán kinh phí chi tiết kèm theo bản thuyết minh). |
| 4) Về kinh phí thực hiện: số kinh phí thực hiện không lớn, ngân sách có thể đáp ứng nhưng trong dự thảo chứa có dự toán kinh phí hằng năm để thực hiện. Đề nghi cơ quan soạn thảo có bản khái toán dự kiến kinh phí thực hiện |
| 2 | Ông Hoàng Đức Hoan, Thành viên Hội đồng tư vấn UBMTTQ tỉnh | Mức hỗ trợ:  - Thứ nhất: Theo khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC có nêu: căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ.  - Dự thảo đưa ra, người tham gia học lớp xoá mù chữ được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/giai đoạn.Mỗi giai đoạn học tập được quy định là 9 tháng. Như vậy, mỗi tháng người tham gia học được hỗ trợ 110.000đ.  -Theo Chương trình xoá mù chữ tại Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT, trong giai đoạn 1, người học phải đến lớp 201 buổi (mỗi buổi được hỗ trợ 4.975đ/ buổi). Giai đoạn 2, người học phải đến lớp 190 buổi (mỗi buổi được hỗ trợ 5.263đ/ buổi).Mức hỗ trợ này là thấp. Người học hầu hết ở địa hình vùng núi phức tạp, dân cư phân tán, đời sống kinh tế khó khăn. Phần lớn người mù chữ ở các bản hẻo lánh cách Trung tâm học tập cộng đồng hàng chục cây số phải ở nội trú. Nếu chỉ có 1 mức hỗ trợ là 110.000đ thì học viên phải ở nội trú sẽ thiệt thòi hơn học viên ngoại trú.Nếu so sánh với mức hỗ trợ cho học viên học bổ túc THCS để duy trì PCGDTHCS theo Quyết định số 755/2007 ngày 18/5/2007 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ cho học viên học bổ túc THCS để duy trì PCGDTHCS đối với học viên ở nội trú là 150.000đ/tháng hoặc 75.000đ/tháng đối với học viên ở ngoại trú thì người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay chỉ được hỗ trợ 110.000đ/tháng là thấp nếu phải ở nội trú.Cả 2 loại đối tượng là xoá mù và phổ cập đều phải hỗ trợ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Nếu so sánh giữa xoá mù và phổ cập thì đối tượng xoá mù phải được đặt lên trước. Mức hỗ trợ cho 2 loại đối tượng này cũng phải tương đương. Vì vậy, tổ biên soạn cần cân nhắc thêm để mức hỗ trợ cho đối tượng là xoá mù và phổ cập phù hợp hơn.  + Nên hỗ trợ cho học viên nội trú mức 150.000đ/tháng và 75.000đ/tháng đối với học viên ở ngoại trú sẽ hợp lý hơn.Người tham gia học lớp xoá mù chữ thuộc diện chính sách, theo tôi nên hỗ trợ cho học viên nội trú mức 180.000đ/tháng và mức 90.000đ/tháng đối với học viên ngoại trú.Vì đây là những người yếu thế. Đó là người khuyết tật, người thuộc diện hộ nghèo, người ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn.  *(Thời điểm năm 2007, cân thịt lợn mông có giá 45.000đ/kg. Năm 2022, cân thịt lợn mông tăng 180.000đ/kg. Người học được hỗ trợ 150.000đ năm 2007 mua được 3,3kg thịt lợn, đến 2022 chỉ mua được 8 lạng.)*  + Xét thấy, xoá mù chữ là vấn đề rất cấp thiết, đặc biệt là đối tượng yếu thế, tổ biên soạn cân nhắc thêm mức hỗ trợ cho người tham gia học lớp xoá mù chữ thuộc diện chính sách nên tăng lên 180.000đ/ người/tháng (gần bằng tỉnh Lào Cai 183.000đ) sẽ hợp lý hơn. | - Về mức hỗ trợ: Tiếp thu xây dựng mức hỗ trợ cho tất cả người dân tham gia học xoá mù chữ cao hơn, cụ thể là: Mỗi học viên tham gia học xoá mù chữ được hỗ trợ 1.800.000 đồng/giai đoạn (ứng với số tiền 180.000 đồng/tháng ở giai đoạn 1 (10 tháng học), 200.000 đồng/tháng ở giai đoạn 2 (9 tháng học).  Ngoài ra, dự thảo đã xây dựng mức hỗ trợ thêm đối với người học xoá mù chữ thuộc diện chính sách là 150.000 đồng/tháng (mà người học hầu hết ở địa hình vùng núi phức tạp, dân cư phân tán, đời sống kinh tế khó khăn nên nhiều người học xoá mù chữ sẽ thuộc diện chính sách). Do đó tổng số tiền hỗ trợ cho người thuộc diện chính sách sẽ là 330.000 đồng/tháng (đối với giai đoạn 1) hoặc 350.000 đồng/tháng (đối với giai đoạn 2).  - Về phân biệt mức hỗ trợ đối với học viên nội trú và ngoại trú: Học viên lớp xoá mù chữ cơ bản là những người lớn tuổi (từ 15-60 tuổi), đã lập gia đình, học theo hình thức vừa học - vừa làm nên không có trường hợp ở nội trú. Vì vậy, dự thảo chỉ quy định chung là hỗ trợ cho người học xoá mù chữ.  - Việc tăng mức hỗ trợ thêm cho người thuộc diện chính sách lên 180.000 đồng/tháng: Cơ sở để xây dựng mức hỗ trợ thêm cho người thuộc diện chính sách là vận dụng theo các khoản 2, 3, 4 Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). Theo khoản 10 Điều 20 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định này là 150.000 đồng/tháng. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học.  Do đó, Sở GD&ĐT xin bảo lưu mức hỗ trợ như trong dự thảo là 150.000 đồng/tháng để phù hợp với nội dung hỗ trợ của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. |
| Dự thảo chỉ nêu kinh phí thực hiện từ 3 nguồn là: ngân sách Nhà nước hàng năm cấp cho các đơn vị; kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác. Tuy nhiên, dự thảo tờ trình của UBND tỉnh cũng chưa làm rõ được số lượng kinh phí của từng năm và của cả giai đoạn.Tờ trình của UBND tỉnh cũng chỉ nêutỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 giảm còn 4,48%... còn tại thời điểm này không có số liệu cụ thể về người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60.  Theo Quyết định Số 1897/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 có nêu: đến năm 2014, người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 trên địa bàn tỉnh là 12.696 người, chiếm 5,94%*(Những huyện có tỷ lệ người mù chữ cao, độ tuổi từ 15 - 60 là Ngân Sơn 11,08%, Pác Nặm 9,74%, Ba Bể 9,39%.)*  Tuy nhiên, Quyết định 1768/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh cũng không có số liệu người mù chữ trong độ tuổi từ 15- 60.  Vì vậy, hàng năm và cả giai đoạn hết bao nhiêu kinh phí để thực hiện Đề án cũng chưa được làm rõ. Tổ soạn thảo cần có thêm số liệu để minh chứng. | Tiếp thu, bổ sung số liệu người mù chữ và lập bảng dự toán kinh phí |
| \* Về hình thức thể hiện (câu, chữ, chính tả, quy tắc viết hoa…), tổ biên soạn cần rà soát chỉnh sửa một số lỗi.Ví dụ:  - Viết hoa không đúng theo [Nghị định 30/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-30-2020-ND-CP-cong-tac-van-thu-436532.aspx) về công tác văn thư trong văn bản hành chính có hiệu lực từ ngày 05/3/2020 và viết hoa chưa đúng theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP quy định viết hoa trong văn bản hành chính có hiệu lực 01/01/2021: Còn viết hoa sau dấu (;) và dấu (:) Ví dụ:  - Tại trang 5 điểm đ trong câu:“…lực lượng vũ trang; Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này…”Trong câu này, phải viết hoa từ “Nhân dân” và không viết hoa từ “trong” và từ “ngân”. Tại trang 6 “Từ Ngân sách Nhà nước hàng năm cấp cho các đơn vị”, không viết hoa “Ngân”. | Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa theo đề nghị |
| 3 | Ông Nguyễn Bình Trọng, Thành viên Hội đồng tư vấn UBMTTQ tỉnh | Tờ trình cần bổ sung ngày, tháng, cấp ban hành văn bản; quy định kèm theo Nghị quyết nên bỏ cụm từ “nghị quyết” chỉ nêu “quy định” là đủ | Tiếp thu, rà soát chỉnh sửa theo đề nghị |
| Tại trang 5 Thuyết minh cơ sở xác định các nội dung mức chi cho công tác thống kê đã thực hiện: Theo Công văn số 827/SGD&ĐT-KHTC ngày 30/5/2014 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn kinh phí và quyết toán phổ cập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” Nếu căn cứ hướng dẫn của Sở thì không đủ căn cứ pháp lý vì công văn cấp Sở không phải là căn cứ để xác định mức chi, cần xem xét lại nội dung này. | Tiếp thu, rà soát và giải trình như sau:  Việc trích dẫn văn bản trên không nhằm mục đích làm căn cứ pháp lý mà chỉ là phần thuyết minh thực tế giai đoạn trước đã được các địa phương đơn vị áp dụng thực hiện.  Để phần thuyết minh rõ ràng hơn, Sở GD&ĐT chỉnh sửa cách diễn đạt như sau: “*Thực tế, mức chi này đã được được thực hiện trong giai đoạn 2012-2020 theo Công văn số 827/SGD&ĐT-KHTC, với mức chi là: 100.000đ/lớp/tháng;*  *Tương tự có: “Chi cho cán bộ tổ chức quản lý lớp học xoá mù chữ, sau xoá mù chữ, bổ túc tiểu học, bổ túc THCS (chi cho CBQL trực tiếp và giáo viên chủ nhiệm lớp học là 200.000 đồng/lớp/tháng) Theo QĐ số 878/QĐ-UBND”* |
| 4 | Bà Đinh Thị Chuyên San, Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn UBMTTQ tỉnh | Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị quyết nêu: “… Mức mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” *(được phê duyệt tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)* và mức chi hỗ trợ người dân thamgia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*(được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)* trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” nội dung nêu chưa rõ. Đề nghị làm rõ thêm một số nội dung sau đây:  - Về nội dung và mức chi:  + Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp XMC: 200.000 đồng/lớp/tháng (hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn học tập);  + Chi phụ cấp cho lãnh đạo của cơ sở giáo dục tổ chức dạy lớp xoá mù chữ (người trực tiếp phụ trách công tác xoá mù chữ): 100.000 đồng/lớp/tháng  + Chi cho người thuộc phòng GD&ĐT trực tiếp phụ trách công tác xoá mù chữ của đơn vị cấp huyện: 100.000 đồng/lớp/tháng.  Theo bản thuyết minh của cơ quan soạn thảo thì nội dung này được thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC cụ thể, *“Ngoài các nội dung và mức chi tại Thông tư này, HĐND cấp tỉnh quy định và nội dung và mức chi để thực hiện Đề án tại địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và ngân sách nhà nước…và nguồn lực địa phương”*. Như vậy, việc quy định thêm các nội dung chi là đúng. Tuy nhiên, người làm công tác này kể cả trong và ngoài biên chế đề đã có chế độ tiền lương như các viên chức khác. Do đó, việc quy định thêm nội dung này có phù hợp với thực tế không? Trong khi điều kiện của tỉnh còn nhiều khó khăn. | Tiếp thu, rà soát và giải trình như sau:  - Thực hiện khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC, thì việc quy định các nội dung chi cho công tác quản lý lớp XMC là phù hợp.  - Các nội dung chi này trước đây đã được thực hiện (Công văn số 827/SGD&ĐT-KHTC);  - Để thực hiện có hiệu quả công tác xóa mù chữ trong giai đoạn tới cần thiết tiếp tục có kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng trên (dự kiến số tiền hỗ trợ cho các nội dung này trong giai đoạn 2022-2025 là 374 triệu đồng).  =>Do đó, việc quy định nội dung này là đúng với Thông tư và phù hợp với thực tế của tỉnh. |
| - Về mức chi:  + Tại ý b mục 6 trang 3 dự thảo Nghị quyết quy định: chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp xóa mù chữ chưa rõ. Dự thảo nêu: “… hỗ trợ học phẩm bằng với mức hỗ trợ trong một năm học theo quyết định được phê duyệt của UBND tỉnh..”. Nêu như vậy chưa rõ vì UBND tỉnh là cơ quan thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần có căn cứ cụ thể cho nội dung này. Ví dụ: …. | Nội dung này, Sở GD&ĐT tiếp thu, chỉnh sửa như sau: “Trong mỗi giai đoạn học tập … học viên tham gia học lớp xoá mù chữ được hỗ trợ học phẩm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022-2030.” |
| + Quy định tại gạch đầu dòng thứ 3 ý c mục 6 trang 4: Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ chi theo thực tế nhưng đảm bảo không quá 420.000đ/học viên là cao.  Đồng Tháp chỉ chi 250.000đ/lớp/năm cho cả lớp xóa mù chữ và lớp học phổ cập. | Tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa như sau tại bản thuyết minh:  “Mua sách giáo khoa/tài liệu xoá mù chữ để xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện nhà trường cho giáo viên và học viên mượn để phục vụ dạy và học (sách giáo khoa/tài liệu có thể dùng nhiều lần)”.  Ngoài ra, hiện nay Bộ GD&ĐT cũng chưa có sách giáo khoa/tài liệu xóa mù chữ và chưa có giá thành của sách/tài liệu.  Do vậy, nội dung chi này sẽ chi theo thực tế (có hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định hiện hành) là phù hợp. |
| + Tại ý đ mục 6 trang 5 dự thảo Nghị quyết có ghi thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Cơ quan soạn thảo nên chỉnh sửa thực hiện theo Nghị quyết 39/2017/NQ-HĐND tỉnh để đảm bảo tính thống nhất trong nghị quyết (vì Nghị quyết 39 cũng là thực hiện theo Thông tư 40) | Tiếp thu, chỉnh sửa theo đề nghị |
| + Ngoài các nội dung và mức chi trên để tránh việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết khi có sự thay đổi văn bản của cấp trên, nghị quyết cần bổ sung thêm nội dung: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại nghị quyết này được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”. | Nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết. |

*(Có bản chụp Công văn của UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh gửi kèm)*